

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÀ SƠN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THANH HOÁ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03-9-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Huệ

Các Hôi thăm nhân dân: 1. Bà Mai Thi Bình

2. Ông Mai Đăng Ninh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn tham gia phiên tòa:

Bà: Trinh Thi Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXX-ST, ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chi Lê Thị T - Sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn 4, xã Nga T, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

2. *Bi đơn*: Anh Lê Văn H - Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn 4, xã Nga T, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 27/5/2020 và bản tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: chị và anh H kết hôn với nhau vào ngày 01/7/2013, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã Nga T cấp đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân trong cuộc sống giữa chị và anh H tính tình không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, nợ nần dẫn đến vợ chồng chửi bới, đánh đập nhau. Từ năm 2018 đến nay, chị đã trở về nhà mẹ đẻ sinh sống, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc gì nhau nữa. Nay chị đề nghị được ly hôn anh H theo quy định. Về con: vợ chồng có 02 con chung là Lê Kiều C, sinh ngày 25/02/2014 và Lê Minh N, sinh ngày 16/02/2016. Sau ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi 2 cháu, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: vợ chồng tự thỏa thuận nên chị không có yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Văn H tại bản tự khai anh trình bày: Về ngày tháng năm kết hôn anh nhất trí như ý kiến chị T. Về mâu thuẫn và thời gian sống ly thân: anh cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nên từ năm 2019 đến nay chị T trở về nhà ngoại sinh sống. Tuy có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng nên anh muốn đoàn tụ. Nếu chị T kiên quyết ly hôn anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết; Về con anh thống nhất như ý kiến chị T. Nếu ly hôn anh đề nghị được nuôi 2 cháu, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản anh thống nhất không có đề nghị gì.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh H vắng mặt nên việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chỉ tiến hành được với nguyên đơn, đồng thời Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh H theo quy định của pháp luật; về con chị đề nghị được nuôi 2 cháu C và N, yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng chị đề nghị là 1.000.000đ/cháu/tháng (2 cháu là 2.000.000đ); về tài sản chị không yêu cầu giải quyết. Đối với bị đơn anh H, về hôn nhân anh đồng ý ly hôn chị T; về con chung anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi 2 cháu, về mức cấp dưỡng chị T yêu cầu, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; về tài sản anh không yêu cầu giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Lê Văn H. Về con giao 2 cháu Lê Kiều C, sinh ngày 25/02/2014 và Lê Minh N, sinh ngày 16/02/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Về án phí chị T và anh H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

*** Về nội dung:**

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lê Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Theo các đương sự trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T cho rằng trong cuộc sống giữa chị và anh H luôn bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã, anh H còn có hành động bạo lực đối với chị, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Anh H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân. Chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý. Xét cuộc sống chung của chị T và anh H đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể duy trì được, chị T và anh H thuận tình ly hôn nên được HĐXX chấp nhận xem xét.

[2] Về con: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Kiều C, sinh ngày 25/02/2014 và Lê Minh N, sinh ngày 16/02/2016. Sau ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi 2 cháu, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/cháu (2 cháu là 2.000.000đ). Đối với bị đơn: anh H đồng ý giao 2 cháu cho chị T nuôi dưỡng, mức cấp dưỡng anh đề nghị Tòa giải quyết theo quy định.

Xét đề nghị của chị T được trực tiếp nuôi con là chính đáng. Tuy nhiên, các cháu C và N còn nhỏ, thực tế đang ở cùng chị T. Để đảm bảo quyền lợi cũng như sự chăm sóc các cháu về mọi mặt, nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng 2 cháu là phù hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: theo các đương sự trình bày anh H và chị T đều là lao động tự do. Để đảm bảo quyền lợi của 2 cháu C và N, buộc anh H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*)/cháu (2 cháu là 2.000.000đ) là hoàn toàn phù hợp thực tế.

[3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định. Anh Lê Văn H phải chịu án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Lê Văn H.

2. Về con: Giao 2 cháu Lê Kiều C, sinh ngày 25/02/2014 và Lê Minh N, sinh ngày 16/02/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Văn H thực hiện nghĩa vụ

cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng/cháu (hai cháu là 2.000.000đ). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 9/2020 cho đến khi cháu C và cháu N trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0010770 ngày 27/5/2020 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn, chị T đã nộp đủ án phí DSST.

Anh Lê Văn H phải chịu án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự

4. Quyền kháng cáo: Chị T, anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga Tiến;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Huệ

